

MỤC LỤC

KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

1. **Lê Thị Việt Nga và Phạm Minh Đạt** - Thúc đẩy xuất khẩu bền vững nông sản của Việt Nam dưới tác động của cách mạng công nghiệp 4.0. **Mã số: 126.1IBMg.12** 2
Promoting Vietnams Sustainable Export of Agricultural Products Under the Impacts of Industry 4.0
2. **Nguyễn Thị Hiền** - Ứng dụng mô hình ARCH - GARCH phân tích sự biến động của chỉ số VN_Index. **Mã số: 126.1MEIS.11** 18
The Application of ARCH - GARCH Models on Analyzing the Volatility of VN_Index.

QUẢN TRỊ KINH DOANH

3. **Lê Quốc Anh và Trần Hoài Thanh** - Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để hội nhập cách mạng công nghiệp 4.0. **Mã số: 126.2IIEEM.22** 26
Economic Restructuring to Integrate Industrial Revolution 4.0
4. **Phạm Thị Bạch Tuyết** - Phát triển xuất khẩu của Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. **Mã số: 126.2IBMg.21** 36
Vietnam's Export and Import Development in International Economic Integration
5. **Nguyễn Thị Nga** - Xây dựng và phân tích cấu trúc thị trường chuỗi cung ứng sản phẩm thủy sản: trường hợp sản phẩm cá hồng Mỹ tại khu vực Nam Trung Bộ. **Mã số: 126.2IBMg.21** 46
Setting up and Analyzing the Structure of Supply Chain Market for Aquatic Products: the Case of American Snapper in the South Central Coast Region

Ý KIẾN TRAO ĐỔI

6. **Lin, Ming-Kun** - The Factors Impact on Consumer Using Mobile Payment, A Case Study in Major Metropolis In Vietnam. **Mã số: 126.3FiBa.31** 56
Các yếu tố ảnh hưởng tới người tiêu dùng sử dụng thanh toán di động điển hình nghiên cứu tại các đô thị lớn ở Việt Nam

PHÁT TRIỂN XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

Phạm Thị Bạch Tuyết
Trường Đại học Sài Gòn
Email:

Ngày nhận: 19/11/2018 **Ngày nhận lại:** 20/12/2018 **Ngày duyệt đăng:** 02/01/2019

Sau hơn ba mươi năm thực hiện đường lối đổi mới và hội nhập quốc tế, thương mại Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đóng góp vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần làm cho thị trường xuất nhập khẩu của Việt Nam không ngừng được mở rộng, giá trị thương mại tăng trưởng mạnh mẽ, cơ cấu và chất lượng hàng hóa được cải thiện theo hướng tích cực. Tuy nhiên, khi Việt Nam hội nhập sâu rộng vào thị trường thế giới cũng đã bộc lộ những khó khăn, hạn chế đòi hỏi phải có những giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường thế giới.

Từ khóa: Hội nhập kinh tế quốc tế, nhập khẩu, thương mại, xuất khẩu.

1. Đặt vấn đề

Hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương nhất quán và là nội dung trọng tâm trong chính sách đối ngoại và hợp tác kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước ta trong quá trình đổi mới đất nước. Quá trình hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới bắt đầu bằng công cuộc đổi mới từ Đại hội Đảng lần VI năm 1986. Tuy nhiên quá trình hội nhập chỉ thực sự được bắt đầu kể từ năm 1995 với hai dấu mốc quan trọng đó là Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Việt Nam bình thường hóa quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ (7/1995). Kể từ đó cho đến nay, quá trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đã trải qua nhiều giai đoạn phát triển với các dấu mốc hội nhập quan trọng như tham gia Khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA) từ 1/1/1996, Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM) tháng 6/1996 và Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC) tháng 11/1998. Đặc biệt, ngày 7/1/2007 Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại lớn nhất thế giới WTO, đánh dấu bước hội nhập toàn

diện của Việt Nam với nền kinh tế thế giới. Cũng trong thời gian này, để đẩy mạnh quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã tích cực và chủ động trong việc tham gia tiến trình đàm phán và ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) với các đối tác. Tính đến tháng 4/2016, Việt Nam đã tham gia thiết lập 12 Hiệp định thương mại tự do (FTA) với 56 quốc gia và nền kinh tế trên thế giới, thiết lập quan hệ ngoại giao với hơn 170 quốc gia trên thế giới, mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hóa tới trên 230 thị trường của các nước và vùng lãnh thổ.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần quan trọng vào phát triển thương mại của Việt Nam nói chung, phát triển ngoại thương nói riêng. Việc tham gia vào các tổ chức kinh tế và ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương giúp cho hàng hóa được hưởng các ưu đãi về mặt thuế quan, dỡ bỏ dần các rào cản thương mại, mở ra cơ hội cho hàng hóa xuất khẩu của nước ta được tiếp cận và mở rộng quan hệ thương mại với thị trường rộng lớn của thế giới. Bên cạnh đó, thông qua quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

giúp cho nước ta có khả năng phát huy tối ưu các lợi thế so sánh của mình đồng thời tiếp nhận công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất kinh doanh, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh hàng hóa và dịch vụ. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất đối với hàng hóa của nước ta khi hội nhập là sự cạnh tranh gay gắt không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay thị trường trong nước. Nếu các doanh nghiệp không nhanh chóng bắt kịp xu thế để thay đổi, cơ cấu lại sẽ rất dễ thua cuộc ngay chính trên “sân nhà” của mình. Đứng trước những cơ hội và thách thức như vậy, ngành ngoại thương Việt Nam đã biết nắm bắt để phát triển như thế nào, kết quả ra sao? Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết tập trung nghiên cứu làm rõ những thành tựu cũng như hạn chế của hoạt động xuất nhập khẩu nước ta trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, từ đó đưa ra những giải pháp khắc phục những hạn chế nhằm góp phần đẩy mạnh sự phát triển của ngành ngoại thương trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế trong thời gian tới.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

Theo Luật Thương mại Việt Nam năm 2005 thì *Xuất khẩu hàng hóa* là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật. *Nhập khẩu hàng hóa* là việc hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Việt Nam từ nước ngoài hoặc từ khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật.

Một số chỉ tiêu bài viết sử dụng để đo lường đánh giá tình hình phát triển xuất nhập khẩu của nước ta như giá trị, tỷ trọng và tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa, cán cân xuất nhập khẩu hàng hóa, mức độ đa dạng hóa thị trường và hàng hóa, đánh giá độ mở của nền kinh tế trong lĩnh vực thương mại hàng hóa thông qua tỷ trọng xuất nhập khẩu so với GDP.

Bài viết chủ yếu sử dụng nguồn số liệu thứ cấp thu thập từ Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, Bộ Công Thương để sử dụng phân tích, đánh giá thực trạng phát triển xuất nhập khẩu của Việt Nam trong giai đoạn 1990 - 2017. Ngoài ra các thông tin và số liệu trong bài viết cũng kế thừa và tổng hợp từ các nghiên cứu đã được công bố trên các sách, báo, tạp chí và các trang thông tin chính thức của các bộ ngành liên quan.

Các phương pháp chủ yếu được sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp thu thập, xử lý số liệu thống kê, phương pháp phân tích, so sánh và tổng hợp tài liệu, phương pháp bảng biểu, biểu đồ.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thành tựu về xuất nhập khẩu của Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế

Thứ nhất, quy mô kim ngạch xuất nhập khẩu và tỷ trọng xuất nhập khẩu trong GDP không ngừng tăng nhanh.

Một trong những thành tích nổi bật nhất của ngoại thương nước ta là tăng trưởng xuất nhập khẩu và tỷ trọng xuất nhập khẩu trong GDP tăng, đây được xem là thành công thể hiện độ mở của kinh tế Việt Nam với thương mại thế giới.

Về kim ngạch xuất nhập khẩu, Việt Nam đạt mức tăng trưởng liên tục về tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cũng như tốc độ tăng trưởng bình quân trong suốt các giai đoạn hội nhập. Năm 1990 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước mới đạt khoảng 5,1564 tỷ USD thì đến năm 2017 đã tăng lên đạt 425,12 tỷ USD, gấp 82,5 lần trong vòng gần 30 năm, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 17,75%/năm. Hoạt động xuất nhập khẩu tăng trưởng nhanh gắn liền với những dấu mốc quan trọng trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta.

Năm 1990 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của nước ta mới chỉ đạt 5,156 tỷ USD, đến năm 1995 tăng lên đạt 13,604 tỷ USD, tăng 2,6 lần. Nhưng sau năm 1995 khi Việt Nam chính thức gia nhập ASEAN và bình thường hóa quan hệ với Hoa Kỳ (7/1995), hoạt động ngoại thương của nước ta có sự phát triển nhanh chóng. Năm 1996 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 18,399 tỷ USD, đến năm 2000 tăng lên 30,119 tỷ USD. Ngày 10/12/2001 khi Hiệp định thương mại Việt - Mỹ ký kết và có hiệu lực đã mở ra cánh cửa cho hàng xuất khẩu Việt Nam tiếp cận với thị trường lớn nhất thế giới, tổng kim ngạch XNK tăng nhanh chóng đạt 36,45 tỷ USD năm 2002, tăng 16,6% so với năm 2001.

Dấu mốc lớn nhất cho ngành ngoại thương nước ta là năm 2007 khi Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Nhờ đó thị trường được mở rộng, hưởng các chính sách ưu đãi về thuế quan, gia tăng dòng vốn FDI, kích thích tăng trưởng xuất nhập khẩu. Năm 2007 cũng

QUẢN TRỊ KINH DOANH

là năm ghi dấu mốc quan trọng của hoạt động xuất nhập khẩu khi tổng kim ngạch đạt mốc 100 tỷ USD (111,3 tỷ USD). Đến năm 2008 đạt 143,39 tỷ USD, tăng 28,8% so với năm 2007. Năm 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu nên kim ngạch xuất nhập khẩu giảm xuống còn 127,04 tỷ USD.

Giai đoạn từ 2010 - 2017 kim ngạch XNK của nước ta liên tục đạt được những cột mốc quan trọng: Năm 2011 quy mô XNK đã tăng gấp đôi đạt con số 200 tỷ USD chỉ sau 4 năm (203,6 tỷ USD năm 2011). Con số 300 tỷ USD tiếp tục đạt được với khoảng thời gian tương tự sau 4 năm (2015 với 327,7 tỷ USD) và chỉ 2 năm sau đã cán mốc 400 tỷ USD (425,12 tỷ USD năm 2017). Như vậy tính từ năm 2007 khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO, đến nay sau 10 năm (2007 - 2017) tổng kim ngạch XNK của nước ta đã tăng gấp 4 lần.

Bảng 1: Tỷ trọng xuất nhập khẩu hàng hóa so với GDP qua các năm (%)

Năm	Xuất khẩu/GDP	Nhập khẩu/GDP	Xuất nhập khẩu/GDP
1995	26,2	39,2	65,4
2000	46,4	49,6	96,0
2005	56,3	63,8	120,1
2008	64,3	82,8	147,1
2010	65,3	76,6	141,9
2016	86,0	85,1	171,1

Nguồn: Số liệu thống kê của Tổng cục Thống kê, <https://www.gso.gov.vn>

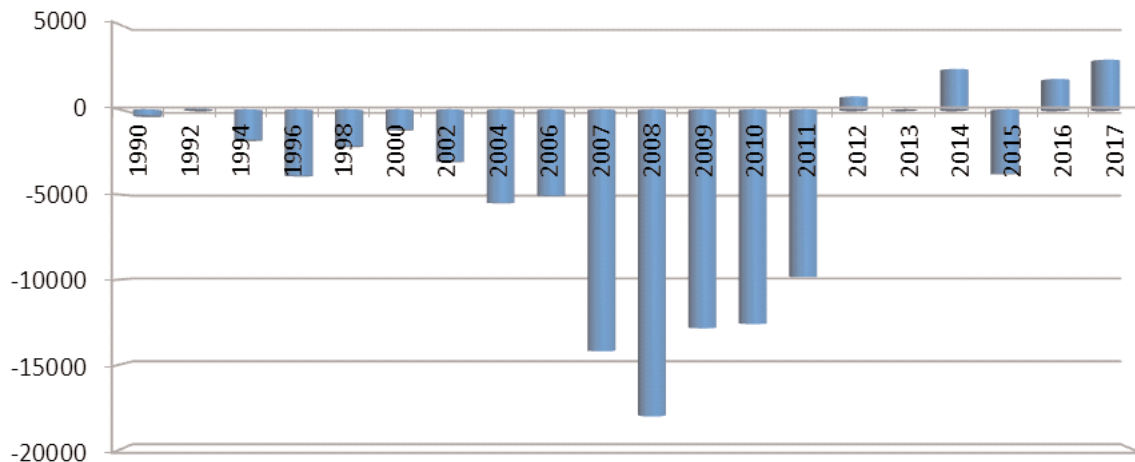
Xuất khẩu hàng hóa của nước ta cũng đạt được những thành tựu quan trọng, tăng từ 2,404 tỷ USD năm 1990 lên 214,02 tỷ USD năm 2017, tương ứng tăng gấp hơn 89 lần. Tốc độ tăng trưởng của kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trong giai đoạn này khá cao, đạt bình quân 18,0%/năm. Đặc biệt, năm 2012 kim ngạch xuất khẩu đạt 114,529 tỷ USD đã ghi dấu mốc quan trọng đối với hoạt động xuất khẩu hàng hóa của nước ta khi kim ngạch xuất khẩu vượt mốc 100 tỷ USD. Cùng với tăng trưởng về xuất khẩu, hoạt động nhập khẩu hàng hóa cũng tăng nhanh từ 2,7524 tỷ USD năm 1990 lên 211,1 tỷ USD năm 2017, tương ứng tăng gần 77 lần, tốc độ tăng bình quân đạt 17,4%/năm. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tăng không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng hàng hóa trong nước mà

còn góp phần quan trọng đối với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thông qua hoạt động nhập khẩu máy móc thiết bị, phụ tùng và nguyên nhiên vật liệu để phục vụ sản xuất trong nước.

Tỷ trọng xuất nhập khẩu/GDP ngày càng tăng từ 65,4% năm 1995 lên 171,1% năm 2016 chứng tỏ nền kinh tế nước ta có độ mở ngày càng lớn, tương ứng với mức độ hội nhập sâu của Việt Nam vào nền kinh tế thế giới, đồng thời cũng phản ánh sự phát triển của đất nước trong giai đoạn này đang thành công trong việc hiện thực hóa chiến lược phát triển nền kinh tế định hướng xuất khẩu của mình (Bảng 1). Tuy nhiên, với độ mở lớn như vậy, nền kinh tế nước ta cũng nhạy cảm hơn, dễ bị tổn thương hơn với các biến động lớn trên thị trường thế giới.

Thứ hai, thâm hụt thương mại giảm dần, cán cân xuất nhập khẩu dần tiến tới cân bằng

Giai đoạn 1990 - 2011 Việt Nam là một nước nhập siêu với cán cân thương mại liên tục bị thâm hụt (trừ năm 1992). Đặc biệt, sau khi gia nhập WTO, do nhu cầu đầu tư trong nước lớn, luồng vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh, thuế nhập khẩu giảm mạnh, nhập khẩu hàng hóa tăng cao, dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại tăng lên đột biến. Năm 2006 thâm hụt từ 5,06 tỷ USD tăng lên mức 14,2 tỷ USD năm 2007 và đạt mức kỷ lục với 18,03 tỷ USD vào năm 2008, tương đương với 29% tổng kim ngạch xuất khẩu. Đến năm 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hoạt động sản xuất, kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn, nhu cầu nhập khẩu máy móc



Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, <https://www.gso.gov.vn>

Hình 1: Cán cân xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 1990 - 2017 (triệu USD)

thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào phục vụ sản xuất có xu hướng giảm nên thâm hụt thương mại giảm xuống còn 12,85 tỷ USD, năm 2010 là 12,6 tỷ USD và năm 2011 là 9,84 tỷ USD.

Giai đoạn 2012 - 2017, cán cân thương mại dần được cải thiện, thể hiện qua sự giảm dần trong thâm hụt cán cân thương mại. Trong đó, chỉ có năm 2015 là thâm hụt 3,76 tỷ USD, còn lại các năm có thặng dư nhẹ, cán cân thương mại ở tình trạng xuất siêu do kim ngạch xuất khẩu tăng mạnh trong khi nhu cầu nhập khẩu giảm. Năm 2012 thặng dư thương mại đạt 748,8 triệu USD, năm 2013 là 0,3 triệu USD, năm 2014 đạt 2,042 tỷ USD, năm 2016 đạt 1,777 tỷ USD, đặc biệt năm 2017 thặng dư đạt tới 2,91 tỷ USD. Việc cán cân thương mại thặng dư trong giai đoạn 2012 - 2014 và 2016 - 2017 là do xuất khẩu của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tăng kết hợp với việc giảm nhập khẩu của khu vực kinh tế trong nước. Đây là sự chuyển biến tích cực nhất trong cán cân thương mại của Việt Nam sau hơn 20 năm liên tục thâm hụt (từ năm 1993), thể hiện rõ tác động của hội nhập kinh tế quốc tế tới Việt Nam.

Thứ ba, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có sự chuyển dịch tích cực theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của nước ta đang dần chuyển dịch rõ nét theo hướng giảm dần tỷ lệ của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản; tăng dần tỷ lệ nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công

nh nghiệp, hàng công nghiệp nặng và khoáng sản. Trong giai đoạn 1990 - 2016 tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa giảm từ 47,9% năm 1990 xuống 14,3% năm 2016; nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng từ 26,4% năm 1990 lên 40,4% năm 2016; nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng từ 25,7% năm 1990 lên 45,3 năm 2016. Giảm dần tỷ lệ xuất khẩu hàng thô, sơ chế, giá trị gia tăng thấp, tăng dần tỷ lệ xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao. Cơ cấu hàng xuất khẩu của nước ta có sự chuyển dịch rõ nét từ nhóm hàng thô hoặc mới sơ chế, giảm từ 74,6% năm 1991 xuống còn 16,8% năm 2016, sang hàng chế biến hoặc đã tinh chế, tăng từ 15,4% lên 83,2% trong cùng thời kỳ.

Sự giảm dần về tỷ trọng xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm, thủy sản cũng như nhóm hàng thô, sơ chế cho thấy cơ cấu hàng hóa xuất khẩu có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng các nhóm hàng khai thác tài nguyên, hàng xuất khẩu thô, sơ chế, giá trị gia tăng thấp. Cùng với đó, tỷ trọng nhóm hàng chế biến, chế tạo, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng cho thấy cơ cấu hàng hóa xuất khẩu đang tăng dần tỷ lệ nhóm hàng có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng cao như máy ảnh, máy tính, linh kiện điện tử, điện thoại...

Đặc biệt, hội nhập kinh tế quốc tế góp phần làm cho hàng hóa của nước ta có cơ hội được xâm nhập vào thị trường các nước do các rào cản thương mại dần được xóa bỏ, thực thi các ưu đãi về thuế quan... Vì vậy, số lượng và giá trị các mặt hàng xuất khẩu chủ lực, có sức cạnh tranh mạnh trên thị trường thế giới ngày càng tăng. Nếu như năm 2004 Việt Nam chỉ có 6 nhóm hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD thì năm 2010 có 18 nhóm hàng nằm trong “Câu lạc bộ tỷ đô”. Đến năm 2017 có 29 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 91,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Trong đó, có tới 5 nhóm hàng đạt kim ngạch trên 10 tỷ USD gồm điện thoại các loại và linh kiện; hàng dệt may; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; giày dép các loại, máy móc thiết bị dụng cụ và phụ tùng.

Thứ tư, thị trường xuất nhập khẩu ngày càng được mở rộng và đa dạng, cơ cấu thị trường xuất khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực.

Quá trình hội nhập về kinh tế đã giúp Việt Nam từ một nền kinh tế bị bao vây cấm vận, các mối quan hệ thương mại chủ yếu là các nước thuộc khối xã hội chủ nghĩa trước đây, đến nay Việt Nam đã trở thành một nền kinh tế mở với thị trường rộng lớn. Năm 2017, Việt Nam có trên 200 đối tác thương mại khắp toàn cầu, trong đó có 28 thị trường xuất khẩu và 23 thị trường nhập khẩu đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD. Phần lớn các đối tác thương mại lớn đều ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương hoặc đa phương với Việt Nam với những ưu đãi về thị trường, thuế quan, điều đó đã mang lại nhiều cơ hội cho phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta. Đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam hiện nay vẫn là Trung Quốc với tổng kim ngạch thương mại song phương đạt 93,7 tỷ USD năm 2017, tăng 30,2% so với năm 2016. Hàn Quốc vượt qua Hoa Kỳ vươn lên trở thành đối tác thương mại hàng hóa lớn thứ 2 của Việt Nam, chỉ sau thị trường Trung Quốc. Xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Hàn Quốc đạt 61,6 tỷ USD, tiếp theo là thị trường Hoa Kỳ đạt 50,8 tỷ USD, thị trường ASEAN đạt hơn 49,5 tỷ USD và thị trường EU (28 nước) đạt 45,11 tỷ USD...

Về cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của nước ta cũng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng xuất khẩu của những thị

trường truyền thống như ASEAN và các quốc gia Đông Bắc Á (Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc), tăng dần tỷ lệ xuất khẩu đến các thị trường lớn như EU, Hoa Kỳ... Trong đó:

- Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu tới thị trường ASEAN giảm nhanh, từ 18,3% năm 1995 xuống 10,1% năm 2017.

- Tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu tới thị trường ba quốc gia khu vực Đông Bắc Á cũng có xu hướng giảm, từ 37,7% năm 1995 xuống 31,4% năm 2017. Trong đó, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu tới thị trường Nhật Bản có xu hướng giảm mạnh, từ 26,8% năm 1995 xuống 7,9% năm 2017 nhưng tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu tới thị trường Trung Quốc lại có xu hướng tăng nhanh, từ 6,6% lên 16,6%, của Hàn Quốc tăng từ 4,3% lên 6,9% giai đoạn 1995 - 2017.

- Cùng với đó, tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của nước ta tới thị trường Hoa Kỳ và EU có xu hướng tăng. Trong đó thị trường Hoa Kỳ tăng từ 3,1% năm 1995 lên 19,4% năm 2017, thị trường EU tăng từ 12,2% năm 1995 lên 17,9% năm 2017. Năm 2017, Hoa Kỳ và EU là hai thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của nước ta với kim ngạch xuất khẩu đạt gần 40 tỷ USD. Đây cũng là hai thị trường mà Việt Nam xuất siêu với giá trị trên 20 tỷ USD.

Sự chuyển dịch về cơ cấu thị trường xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam thời gian qua cho thấy những thành công trong hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh việc tiếp tục giữ vững thị phần ở những thị trường truyền thống trong châu lục như ASEAN và các quốc gia Đông Bắc Á, Việt Nam còn thành công trong việc mở rộng xuất khẩu đến nhiều thị trường mới, đặc biệt có thể xuất khẩu đến những thị trường khó tính, đòi hỏi khắt khe về chất lượng như Hoa Kỳ, EU. Điều đó cho thấy chất lượng, năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu của nước ta ngày càng được cải thiện và khẳng định được vị thế trên thị trường toàn cầu.

3.2. Những hạn chế của xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Thứ nhất, xuất nhập khẩu nước ta chưa thực sự bền vững, năng lực cạnh tranh thấp, sản xuất phụ thuộc nhiều vào nguyên phụ liệu, linh kiện và máy móc nhập khẩu

Năng lực cạnh tranh của hàng hóa nước ta trên thị trường thế giới thấp. Thực tế, trong thời gian qua, các sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam chủ yếu là xuất khẩu tài nguyên khoáng sản, hàng nông sản thô với hàm lượng chế biến thấp và gia công hàng hóa công nghiệp. Các sản phẩm chủ yếu dựa vào các yếu tố tự nhiên và nguồn lao động đông, giá rẻ (lợi thế so sánh tự nhiên), công đoạn sản xuất vẫn đang nằm ở vị trí thấp nhất trong chuỗi giá trị toàn cầu, chủ yếu là nhập nguyên liệu, phụ tùng về để lắp ráp, gia công sản phẩm nên mặc dù sản lượng xuất khẩu ngày càng tăng nhưng giá trị thu về thấp, khả năng cạnh tranh không cao.

Các sản phẩm công nghiệp chủ yếu là gia công, lắp ráp cho nước ngoài nên hầu hết không có thương hiệu, các sản phẩm nông nghiệp thì chủ yếu xuất khẩu dưới dạng thô hoặc mới qua sơ chế, không có xuất xứ hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, chưa xây dựng được thương hiệu, chưa có lô-gô, nhãn mác... Vì vậy phần lớn giá hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam thường có mức giá thấp hơn các đối thủ cạnh tranh. Chẳng hạn, gạo Việt Nam giá bán luôn thấp hơn gạo cùng loại của Thái Lan 3 - 5%. Cá tra Việt Nam hiện chiếm 90% thị phần thế giới song giá bán thấp hơn 20 - 30% sản phẩm tương tự. Đây là những bất lợi lớn cho sản phẩm xuất khẩu của nước ta khi cạnh tranh trên thị trường thế giới, nhất là trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế khi Việt Nam đang ngày càng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Các mặt hàng chế biến, chế tạo xuất khẩu đều phụ thuộc phần lớn vào nguyên phụ liệu, linh kiện và máy móc nhập khẩu. Trong cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của nước ta chỉ có 8,9% nhóm hàng tiêu dùng, còn lại 91,1% thuộc nhóm hàng tư liệu sản xuất, trong đó, hàng nguyên, nhiên, vật liệu chiếm khoảng 49,7%; máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng chiếm khoảng 41,4%. Việc nhập khẩu chủ yếu là tư liệu sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình công nghiệp hóa đất nước là hợp lý. Tuy vậy, cơ cấu hàng nhập khẩu như hiện nay cũng phản ánh sự thiếu bền vững của sản xuất trong nước. Tỷ lệ nhập khẩu lớn về nguyên, nhiên liệu, nhất là nguyên liệu gia công sản xuất thể hiện tính gia công trong ngành còn lớn, còn phụ thuộc vào công nghệ, nguyên phụ liệu nước ngoài, công nghiệp phụ trợ trong nước chưa phát triển. Ví dụ như dệt may là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, có kim ngạch xuất khẩu đứng thứ hai sau điện thoại các loại và linh kiện nhưng giá trị gia tăng không cao, vì chủ yếu sản xuất dưới hình thức gia công, phải nhập khẩu đến 70-80% nguyên phụ liệu. Bảng 2 cho thấy để xuất khẩu được 26,03 tỷ USD hàng dệt may, các doanh nghiệp phải nhập 4,2 tỷ USD Bông, sợi, sợi dệt các loại, 11,4 tỷ USD vải các loại và một phần trong số 5,4 tỷ USD nguyên phụ liệu dệt may, da giày, chưa kể tới nhập khẩu máy móc thiết bị. Sự phụ thuộc vào nguyên phụ liệu cho hàng xuất khẩu đã và đang là thực tế của ngành công nghiệp của nước ta hiện nay, từ những ngành phức tạp (điện tử, tin học...) đến những ngành không quá phức tạp (dệt may, da giày...).

Bảng 2: Các mặt hàng xuất khẩu và nguyên phụ liệu nhập khẩu tương ứng năm 2017

Mặt hàng	Xuất khẩu		Mặt hàng	Nhập khẩu	
	Trị giá (triệu USD)	Tăng trưởng so với 2016 (%)		Trị giá (triệu USD)	Tăng trưởng so với 2016 (%)
Dệt may	26.038	9,3	Bông, sợi, sợi dệt các loại	4.171	27,5
			Vải các loại	11.366	8,4
Giày dép	14.652	12,7	Nguyên phụ liệu dệt may, da giày	5.420	7,1
Điện tử, máy tính, linh kiện	25.942	36,8	Điện tử, máy tính, linh kiện	37.706	35,2
Điện thoại, linh kiện	45.272	31,9	Điện thoại, linh kiện	16.327	54,6
Tổng trị giá	111.904			74.990	

Nguồn: Tính toán của tác giả theo số liệu của Tổng cục Hải quan

QUẢN TRỊ KINH DOANH

Thứ hai, xuất nhập khẩu hàng hóa vẫn phụ thuộc chủ yếu vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

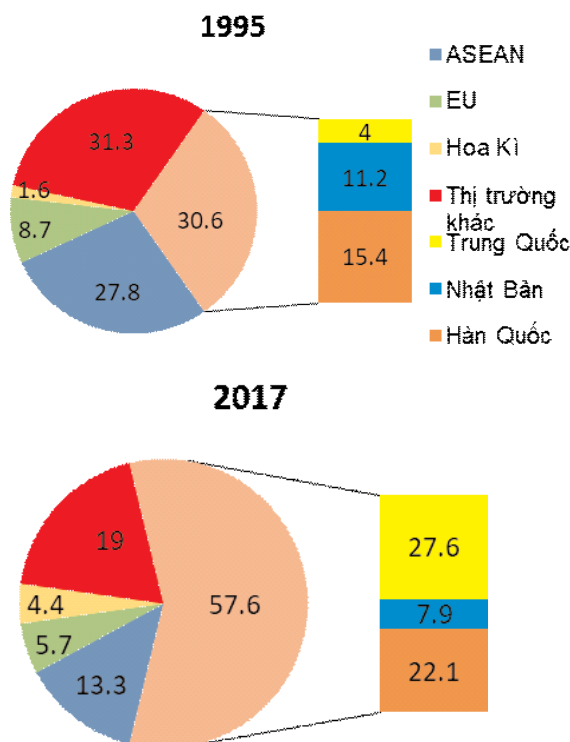
Hiện nay, khu vực kinh tế trong nước chiếm tỷ lệ nhỏ trong cơ cấu hàng xuất khẩu, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) dẫn đầu và đóng góp lớn trong kim ngạch xuất khẩu hàng năm. Năm 1995 tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI mới chỉ chiếm 27%, đến trước năm 2001 chiếm dưới 50% tỷ trọng xuất khẩu cả nước (45,2%). Nhưng sau năm 2001, khu vực FDI đã lớn mạnh nhanh chóng, vượt qua khu vực trong nước để trở thành nhân tố chính thúc đẩy xuất khẩu, năm 2017 chiếm 71,1%. Trong khi đó, khu vực trong nước có xu hướng giảm từ 73,0% năm 1995 xuống còn 28,9% năm 2017. Đặc biệt, từ sau khi Việt Nam gia nhập WTO, kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI tăng khá nhanh, thường cao hơn 2 lần so với khu vực kinh tế trong nước. Điều này cho thấy, thương mại Việt Nam phần lớn phụ thuộc vào khu vực FDI với xu hướng ngày càng tăng, khi khu vực này có sự biến động sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thương mại nước ta.

Không chỉ xuất khẩu mà hoạt động nhập khẩu khu vực FDI cũng đang ngày càng đóng vai trò chủ đạo, tăng nhanh từ 18,0% năm 1995 lên 59,9% năm 2017. Điều đó cho thấy, năng lực cung ứng máy móc thiết bị và nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất của nước ta còn nhiều hạn chế, đặc biệt là sự kém phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ đã không đáp ứng được nhu cầu cung cấp nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất không chỉ cho các doanh nghiệp trong nước mà đặc biệt là các doanh nghiệp FDI, đã phần nào hạn chế hiệu quả trong thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam, làm cho các doanh nghiệp trong nước chưa tham gia được sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Thứ ba, hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam vẫn còn phụ thuộc vào một số thị trường chủ lực.

Tham gia vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam đã mở rộng quan hệ buôn bán với nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của nước ta vẫn còn tập trung vào một số thị trường chính, xu hướng đa dạng hóa thị trường xuất khẩu chậm. Châu Á vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam, năm 2017 đạt 294,78 tỷ USD kim ngạch XNK, tăng tới

25,7% so với năm 2016 và chiếm tỷ trọng cao nhất (67%) trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước. Thị trường hàng hóa nhập khẩu vẫn chủ yếu là các thị trường truyền thống có công nghệ trung bình như ASEAN (13,3%), Trung Quốc (27,6%), Hàn Quốc (22,1%). Đặc biệt, tỷ lệ kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Trung Quốc tăng nhanh nhất từ 4% năm 1995 lên 27,6% năm 2017 (tăng gần 7 lần). Tỷ lệ kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc tăng từ 15,4% năm 1995 lên 22,1% năm 2017. Trong khi đó, thị trường EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản là những thị trường có công nghệ cao, công nghệ nguồn thì vẫn chưa tiếp cận được nhiều (EU 5,7%, Hoa Kỳ 4,4%, Nhật Bản 7,9%). Việc phụ thuộc quá nhiều vào một số thị trường có công nghệ trung bình và chưa tiếp cận được với những thị trường có công nghệ hiện đại phần nào ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng của các ngành sản xuất trong nước bởi phụ thuộc vào chất lượng của máy móc, thiết bị, phụ tùng và nguyên vật liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất.



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả
Hình 2: Cơ cấu thị trường nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam năm 1995 và 2017 (%)

Mặc dù xuất khẩu khá ấn tượng trong những năm gần đây, song Việt Nam vẫn phải đối mặt với thâm hụt thương mại với các đối tác thương mại lớn. Cán cân thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ và EU đạt thặng dư, với Nhật Bản tương đối cân bằng, song với Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước ASEAN lại thâm hụt đáng kể. Năm 2017, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc đạt 35,46 tỷ USD, còn chiều ngược lại là 58,23 tỷ USD, thâm hụt thương mại là 22,77 tỷ USD nghiêng về Việt Nam. Tương tự, Việt Nam thâm hụt với Hàn Quốc là 31,9 tỷ USD. Việt Nam nhập khẩu từ các nước này chủ yếu là máy móc, dụng cụ và phụ kiện, máy tính, linh kiện và sản phẩm điện tử, nguyên phụ liệu dệt may... phục vụ sản xuất trong nước nhưng công nghệ không cao.

3.3. Một số giải pháp chủ yếu nhằm phát triển xuất nhập khẩu của Việt Nam trong thời gian tới

Toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế vẫn tiếp tục là xu thế chủ đạo trong phát triển kinh tế của nước ta trong thời gian tới. Việt Nam sẽ hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, nhất là khi các cam kết FTA bước vào giai đoạn cắt giảm sâu. Theo lộ trình cam kết, giai đoạn 2018 - 2021, phần lớn các hiệp định FTA mà Việt Nam tham gia đều bước sang giai đoạn cắt giảm sâu, xóa bỏ hàng rào thuế quan đối với phần lớn các dòng thuế trong biểu thuế nhập khẩu. Khi các FTA được thực thi thì các rào cản về thương mại phần nào được xóa bỏ sẽ thúc đẩy xuất khẩu mạnh hơn, là cơ hội cho hàng hóa của nước ta được mở rộng thị trường đến các nước, đồng thời giúp đa dạng hóa thị trường nhập khẩu, tránh phụ thuộc vào các thị trường nguyên liệu truyền thống, tiếp cận được các thị trường có công nghệ tiên tiến. Tuy nhiên, khi sự cạnh tranh diễn ra gay gắt, các nước để bảo hộ sản xuất trong nước cũng sẽ đặt ra nhiều rào cản thương mại, rào cản kỹ thuật đối với hàng hóa từ bên ngoài. Đây sẽ là thách thức không nhỏ đối với phát triển xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam trong thời gian tới. Vì vậy Việt Nam cần phải có những giải pháp cụ thể để giải quyết những thách thức và hạn chế trên.

- Giải pháp nhằm mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu

Hiện nay, hàng hóa xuất nhập khẩu chủ yếu còn tập trung vào một số thị trường, để đa dạng thị trường chúng ta cần tích cực đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, hoàn thiện và thực thi các hiệp định đã ký kết trong các FTA với các đối tác đồng thời tăng cường đẩy mạnh hợp tác song phương và đa phương với các nước chưa ký kết.

Để người tiêu dùng biết đến hàng hóa của nước ta nhiều hơn cần chú trọng công tác tổ chức quảng bá, giới thiệu sản phẩm có chất lượng và thương hiệu tại các nước mà hàng Việt Nam xuất khẩu tới, nhằm tạo dựng niềm tin của người tiêu dùng đối với các sản phẩm mang thương hiệu Việt Nam. Thường xuyên tham gia các hội chợ quốc tế nhằm giới thiệu và quảng bá những sản phẩm Việt đến người tiêu dùng thế giới biết. Ngoài ra, kết nối với các cơ sở sản xuất trong nước với các doanh nghiệp nước ngoài nhằm hợp tác, chuyển giao các công nghệ, máy móc, thiết bị tiên tiến nhằm nâng cao công nghệ trong nước.

Đẩy mạnh các đàm phán song phương và đa phương nhằm mở rộng thị trường. Rà soát lại các tiến trình thực hiện cam kết và thông tin rộng rãi đến các doanh nghiệp về các cam kết. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung và nâng cao năng lực dự báo thị trường trong và ngoài nước, cung cấp thông tin nhanh và hiệu quả cho các doanh nghiệp, tạo điều kiện dễ dàng để các doanh nghiệp tiếp cận thông tin.

Các doanh nghiệp tích cực tìm hiểu thông tin về các thị trường xuất nhập khẩu. Bên cạnh hàng rào thuế quan được bãi bỏ thì hàng loạt các hàng rào phi thuế quan được dựng lên nhằm bảo hộ sản xuất trong nước. Vì vậy, các doanh nghiệp cần nắm vững thông tin về các rào cản thương mại (các biện pháp phòng vệ thương mại, quy định về môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, xuất xứ hàng hóa...) đối với từng loại hàng hóa và từng thị trường khác nhau để từ đó có sự chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi tiến hành xâm nhập thị trường.

- Giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, các doanh nghiệp cần phải đầu tư máy móc, đổi mới khoa học công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại vào trong sản xuất để đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng của sản phẩm.

Cần đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu, trong đó chú trọng đến những mặt hàng mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh và được hưởng nhiều ưu đãi trong các FTA. Các FTA bước vào lộ trình cắt giảm thuế sâu là cơ hội cho hàng của nước ta xâm nhập vào thị trường các nước. Vì vậy cần lựa chọn những sản phẩm thế mạnh của ta để có thể cạnh tranh được những sản phẩm cùng loại với các nước như hàng nông lâm thủy sản, thiết bị điện tử, hàng may mặc...

Nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu, tăng cường xuất khẩu hàng chế biến, chế tạo, hạn chế xuất khẩu sản phẩm thô hoặc mới sơ chế. Khuyến khích đầu tư và phát triển mạnh công nghiệp chế biến, ưu tiên đầu tư các cơ sở chế biến lớn, quy trình sản xuất, chế biến tiên tiến, có thiết bị công nghệ hiện đại để tạo ra những sản phẩm chất lượng có khả năng cạnh tranh được trên thị trường.

Xây dựng thương hiệu, đảm bảo chất lượng và tạo uy tín cho hàng xuất khẩu, nhất là khi muốn tiếp cận đến các thị trường như EU, Hoa Kỳ. Các doanh nghiệp cần xây dựng thương hiệu, đăng ký và bảo vệ thương hiệu của mình. Để tạo uy tín cho hàng xuất khẩu, đáp ứng các tiêu chí khắt khe về vệ sinh an toàn thực phẩm nhất là hàng nông thủy sản, chính phủ cần siết chặt việc quản lý sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, hướng nông dân sản xuất các sản phẩm xanh, sử dụng các sản phẩm hữu cơ, thân thiện với môi trường. Nâng cao sự hiểu biết của người dân về các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, các doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật các tiêu chí an toàn thực phẩm của các nước nhập khẩu. Có những biện pháp xử lý mạnh đối với những doanh nghiệp vi phạm về quy định an toàn thực phẩm.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của nước ta như dệt may, giày dép, hàng thủy sản, nông

ng nghiệp đang phải đối mặt với các rào cản thương mại và phòng vệ thương mại như bị khởi kiện chống bán phá giá, chống trợ cấp, các quy định về an toàn thực phẩm, xuất xứ nguồn gốc... Các rào cản này ảnh hưởng không nhỏ đến hàng hóa xuất khẩu của nước ta đến thị trường thế giới. Vì vậy các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải nắm rõ và đảm bảo tuân thủ các quy định về hàng hóa nhập khẩu vào thị trường các nước. Nhà nước cũng cần có những biện pháp xử lý nghiêm đối với những trường hợp cố tình vi phạm làm ảnh hưởng đến uy tín đối với hàng hóa của nước ta.

- Giải pháp nhằm thúc đẩy sản xuất trong nước, chủ động nguồn nguyên liệu, hạn chế nhập siêu

Đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ để giảm nhập khẩu nguyên phụ liệu, tăng tỷ lệ nội địa hóa cho hàng xuất khẩu. Cần xác định phát triển công nghiệp hỗ trợ là nội dung quan trọng và đóng vai trò then chốt cần tập trung nguồn lực để thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển. Đầu tư hạ tầng xây dựng các khu nhà xưởng cao tầng tại các địa điểm với quy mô diện tích phù hợp cho nhu cầu của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, mở rộng sản xuất. Đồng thời cũng kiểm soát việc nhập khẩu những mặt hàng không khuyến khích nhập hoặc trong nước có thể tự sản xuất được.

Tăng cường mở rộng khai thác thị trường có công nghệ nguồn, công nghệ cao, không gây ô nhiễm môi trường, tăng cường nhập khẩu máy móc thiết bị hiện đại để phục vụ sản xuất trong nước. Đặc biệt tạo mọi điều kiện thuận lợi, tích cực hỗ trợ về vốn, chính sách và nhiều ưu đãi khác để khuyến khích các doanh nghiệp trong nước chủ động sản xuất, nhất là sản xuất nguyên phụ liệu phục vụ hàng xuất khẩu. Hạn chế phụ thuộc vào nguồn hàng nhập khẩu cũng như phụ thuộc quá nhiều vào khu vực FDI.

Việc thu hút FDI cần phải chú trọng đến chất lượng các dự án đầu tư, tập trung vào một số lĩnh vực ưu tiên. Chọn lọc các dự án có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường và tăng cường sự liên kết giữa các khu vực; các ngành, lĩnh vực tạo

ra các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, sản phẩm có khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Tập trung đầu tư nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ xuất - nhập khẩu như cải tạo hệ thống giao thông, vận tải nội địa, mở các tuyến đường bộ, đường sắt xuyên quốc gia, cải tạo và nâng cấp hệ thống kho bãi, cầu cảng để nâng cao năng lực giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu kịp thời và nhanh chóng.

4. Kết luận

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng và nổi bật trong hơn 30 năm đổi mới và hội nhập như quy mô và kim ngạch xuất nhập khẩu không ngừng gia tăng, cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu chuyển dịch theo hướng tích cực, cán cân thương mại dần được cân bằng, thị trường và đối tác thương mại được mở rộng theo phương châm đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại. Ngoại thương đã trở thành ngành kinh tế quan trọng đóng góp lớn vào quá trình công nghiệp hóa đất nước, thúc đẩy sản xuất trong nước phát triển, gắn kết các hoạt động kinh tế trong nước với thị trường thế giới, đưa hàng hóa của Việt Nam đến với bạn bè thế giới. Bên cạnh những thành tựu kể trên trong hoạt động ngoại thương cũng tồn tại những bất cập, hạn chế cần phải khắc phục như: khả năng cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu chưa cao, mặt hàng xuất khẩu chính vẫn là các sản phẩm thô hoặc sơ chế, sử dụng nhiều lao động và khai thác tài nguyên, hoạt động xuất khẩu chủ yếu thuộc về các doanh nghiệp FDI... Do đó sự đóng góp vào tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội của hoạt động ngoại thương còn bị hạn chế, kết quả đạt được vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và thế mạnh của nền kinh tế nước ta. Trong thời gian tới, hoạt động xuất nhập khẩu vẫn tiếp tục là lĩnh vực trọng tâm được nhà nước ưu tiên phát triển. Việc Việt Nam tiếp tục hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới, tham gia ngày càng nhiều vào các hợp tác song phương và đa phương vừa là cơ hội nhưng cũng là những thách thức cho hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam. Đòi hỏi Việt Nam

phải có những giải pháp phù hợp cho từng thời kỳ hội nhập. ♦

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ Công Thương (2011), *Quyết định phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng đến 2030*, Quyết định số 3098/QĐ-BCT ngày 24/06/2011, Hà Nội.
2. Bộ Công Thương (2018), *Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2017*, Nhà xuất bản Công Thương, Hà Nội.
3. Tổng cục Thống kê (2017), *Xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam: Hội nhập và phát triển 2005 - 2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
4. Nguyễn Thế Bình, 2015, *30 năm hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam: Thành tựu, thách thức và những bài học*, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 22 (32) – tháng 5, trang 10 - 14.
5. Phạm Tất Thắng, 2016, *Hội nhập kinh tế quốc tế: Từ quan điểm của Đảng đến thực tiễn*, truy cập 24/03/2018, Tạp chí Cộng sản điện tử, <http://www.tapchicongsan.org.vn>.
6. Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê Việt Nam các năm, <https://www.gso.gov.vn>.

Summary

After more than thirty years of implementing the renovation and international integration strategy, Vietnam's trade has gained important achievements, contributing to the country's industrialization and modernization. International economic integration has contributed to the continued expansion of Vietnam's export and import market, strong trade value, positively improved structure and quality of commodities. However, as Vietnam intensively integrates into the world market, it has also exposed difficulties and constraints that require measures to boost import and export activities, enhance the competitiveness of Vietnamese goods in the world market.